

Bản án số: 116/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-12-2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Bá Đức.

2. Bà Mai Thị Nhắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 341/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm: 1989, địa chỉ: Ấp TH, xã TB, huyện B, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Tôn Minh T, sinh năm: 1983, địa chỉ: Ấp HP, xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Chị và anh Tôn Minh T qua tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, thành hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện B, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/01/2008. Sau khi cưới nhau, chị và anh T sinh sống tại ấp TH, xã TB, huyện B. Trong thời gian chung sống, chị và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên uống rượu bia, đánh bạc dẫn đến việc anh chị thường xuyên cãi vã. Khi mâu thuẫn xảy ra, chị và anh T đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị ly thân từ tháng 6/2020 đến nay, trong

thời gian ly thân thì mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh T.

Trong thời gian chung sống, chị và anh T có một con chung tên Tôn Minh Khánh Linh, sinh ngày: 22/3/2008. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn là anh Tôn Minh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Chị T và anh T có một con chung tên Tôn Minh Khánh Linh, sinh ngày: 22/3/2008. Chị T được tiếp tục T tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Tôn Minh Khánh Linh. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Lệ T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị với anh Tôn Minh T có địa chỉ tại ấp HP, xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Tôn Minh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tôn Minh T theo quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Tôn Minh T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện B, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/01/2008 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh T được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng anh T thường xuyên uống rượu bia và đánh bạc, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi, giữa chị và anh T có sự khác biệt về quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T và anh T sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị không thể đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết, anh T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh với chị T và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh T đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có một con chung tên Tôn Minh Khánh Linh, sinh ngày: 22/3/2008. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Tôn Minh Khánh Linh, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo nguyện vọng của cháu Linh muốn được tiếp tục sống với chị T, chị T cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con. Anh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý của con được ổn định nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con là Tôn Minh Khánh Linh cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung; anh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh T về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lệ T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với anh Tôn Minh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Tôn Minh T có một con chung tên Tôn Minh Khánh Linh, sinh ngày: 22/3/2008.

Chị Nguyễn Thị Lệ T được tiếp tục T tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Tôn Minh Khánh Linh.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Lệ T không yêu cầu anh Tôn Minh T cấp dưỡng cho con.

Anh Tôn Minh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Tôn Minh T lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Nguyễn Thị Lệ T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Tôn Minh T.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người T tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Tôn Minh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002881 ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Thị Lệ T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã TB, huyện B;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân